| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **586**/2020/QĐST-HNGĐ | *Tân Bình, ngày 22 tháng 7 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 578/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Phạm Minh T -** sinh năm 1973;
2. Bà **Nguyễn Thị L –** sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Đường H, Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị L cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T và bà L cùng có địa chỉ cư trú ở quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2001, quyển số 01 ngày 11/12/2001 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp thì ông T và bà L là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông T và bà L thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai khai có 02 con chung là Phạm Nguyễn M - sinh ngày 01/6/2002 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn N - sinh ngày 23/6/2011. Ly hôn, cả hai thỏa thuận giao con chung Phạm Nguyễn N cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[5] Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng do ông T và bà L chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cả hai có 02 con chung là Phạm Nguyễn M - sinh ngày 01/6/2002 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn N - sinh ngày 23/6/2011. Giao con chung tên Phạm Nguyễn N cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà L cùng gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Cả hai khai không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị L chịu lệ phí là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016668 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã A, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 36/2001, quyển số 01 ngày 11/12/2001);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Văn Hiếu**